UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1903 /QĐ-UBND	*Hà Nam, ngày 04 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ và Dự toán lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở đô thị tại phường Bạch Thượng, Yên Bắc, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT06.21)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Xây dựng năm 2014; Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật Quy hoạch năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 về quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 ban hành Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Theo các Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2021 về việc phê duyệt quy hoạch chung thị xã Duy Tiên đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc phê duyệt quy hoạch phân khu 1/2000 phường Bạch Thượng, thị xã Duy Tiên; Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 19 năm 7 năm 2019 về việc phê duyệt quy hoạch phân khu 1/2000 phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên; Văn bản số 2412/UBND-GTXD ngày 16 tháng 9 năm 2021 về việc chủ trương lập quy hoạch chi tiết và đề xuất dự án Khu nhà ở đô thị tại phường Bạch Thượng, phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT06.21);

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2554/TTr-SXD, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 2553/BC-SXD ngày 29 tháng 10 năm 2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ và Dự toán quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở đô thị tại phường Bạch Thượng, Yên Bắc, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT06.21), với những nội dung chủ yếu như sau:

Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở đô thị tại phường Bạch Thượng, Yên Bắc, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT06.21).

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân thị xã Duy Tiên.

3. Mục tiêu, tính chất và phạm vi, quy mô nghiên cứu

3.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung thị xã Duy Tiên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch phân khu các phường Bạch Thượng, Yên Bắc đã được phê duyệt.

- Hình thành khu nhà ở đô thị mới hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, kết hợp cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư hiện trạng đảm bảo kết nối đồng bộ giữa không gian phát triển mới với không gian hiện hữu và các dự án đang triển khai trong khu vực.

- Là cơ sở để cấp phép xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy định.

3.2. Tính chất: Là khu nhà ở đô thị mới, có hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp cải tạo chỉnh trang, nâng cấp khu dân cư cũ theo hướng đồng bộ, hài hòa giữa không gian mới và không gian hiện hữu.

3.3. Phạm vi, vị trí ranh giới nghiên cứu quy hoạch:

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở đô thị tại phường Bạch Thượng, phường Yên Bắc thuộc quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Bạch Thượng và quy hoạch phân khu 1/2000 phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên. Có vị trí cụ thể như sau:

- Phía Bắc: giáp khu dân cư tổ dân phố Giáp Nhất và đường quy hoạch rộng 24,0m;

- Phía Nam: giáp khu dân cư hiện trạng tổ dân phố Văn Phái và đường quy hoạch rộng 15,5m;

- Phía Đông: giáp đường Hoành Uyển và khu dân cư hiện trạng tổ dân phố Giáp Nhất, phường Bạch Thượng và tổ dân phố Bùi, phường Yên Bắc;

- Phía Tây: giáp khu dân cư hiện trạng tổ dân phố Giáp Nhất, Văn Phái, phường Bạch Thượng và đường quy hoạch rộng 17,5m.

3.4. Quy mô:

- Quy mô diện tích nghiên cứu lập quy hoạch: khoảng 45,0 ha.

- Quy mô dân số khoảng: khoảng 4.000÷5.000 người, trong đó dân số hiện trạng khoảng 600 người, dân số mới khoảng 3.400÷4.400 người.

(Các chỉ tiêu về quy mô diện tích, chỉ tiêu dự báo quy mô dân số quy hoạch được cụ thể hóa và điều chỉnh trong quá trình lập đồ án quy hoạch đảm bảo phù hợp)

4. Các chỉ tiêu quy hoạch:

4.1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

- Đất đơn vị ở bình quân: 15÷45m^2/người.

- Đất bãi đỗ xe: chỉ tiêu diện tích bãi đỗ xe khu vực lập quy hoạch được xác định căn cứ phân bổ quỹ đất bãi đỗ xe từ quy hoạch chung thành phố Phủ Lý. Đối với các công trình công cộng, thương mại dịch vụ, trụ sở cơ quan... số chỗ đỗ xe ô tô con tối thiểu theo bảng 2.19 và diện tích cho một chỗ đỗ xe theo mục 2.9.4 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng *(QCVN 01:2021/BXD)*. Đối với khu nhà ở xã hội *(nếu có)*: diện tích chỗ để xe được phép lấy bằng 60% định mức quy định tại khoản b của Mục 2.2.17.1 QCVN04:2019 đồng thời đảm bảo tối thiểu 6m^2 chỗ để xe máy, xe đạp cho mỗi căn hộ chung cư.

- Đất giao thông: Bề rộng một làn xe, bề rộng đường được xác định tuân thủ các quy định của QCVN 07-4:2016/BXD; khoảng cách giữa hai đường *(đường cấp nội bộ)* đảm bảo theo bảng 2.17 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng *(QCVN 01:2021/BXD)*; đồng thời đáp ứng yêu cầu theo thông báo số 2486/TB-VPUB ngày 15/10/2021 của Văn phòng UBND tỉnh.

- Đất cây xanh: Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đơn vị ở tối thiểu đạt 2 m^2/người; Mỗi đơn vị ở phải có tối thiểu một vườn hoa với quy mô tối thiểu là 5.000 m^2 và đảm bảo cho các đối tượng dân cư trong đơn vị ở *(đặc biệt là người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em)* đảm bảo tiếp cận sử dụng theo QCVN 10:2014/BXD; Trong các nhóm nhà ở phải bố trí vườn hoa, sân chơi với bán kính phục vụ không lớn hơn 300 m; trồng cây xanh tất cả trên các tuyến đường phố.

- Mật độ xây dựng:

+ Nhà ở: Mật độ xây dựng thuần tối đa của lô đất xây dựng nhà ở riêng lẻ *(nhà biệt thự, nhà ở liền kề, nhà ở độc lập)*

Diện tích lô đất (m^2/căn nhà)	<90	100	200	300	500	≥1000
Mật độ xây dựng tối đa (%)	100	80	70	60	50	40

+ Mật độ xây dựng thuần tối đa của lô đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng như giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, chợ trong khu vực xây dựng mới là 40%;

+ Mật độ xây dựng thuần tối đa của lô đất thương mại dịch vụ hoặc lô đất sử dụng hỗn hợp phải đảm bảo các quy định tại Bảng 2.10 và các yêu cầu về khoảng cách tối thiểu giữa các dãy nhà tại mục 2.6.1, về khoảng lùi công trình tại mục 2.6.2 QCVN 01:2021.

- Hệ thống công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở phải có quy mô tối thiểu như sau (theo Bảng 2.4.QCVN 01:2021)

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	
	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A. Giáo dục				
1. Trường mầm non	cháu/1.000 người	50	m^2/1 cháu	12
2. Trường tiểu học	học sinh /1.000 người	65	m^2/1 học sinh	10
3. Trường trung học cơ sở	học sinh /1.000 người	55	m^2/1 học sinh	10
B. Y tế				
4. Trạm y tế	trạm	1	m^2/trạm	500
C. Văn hóa - Thể dục thể thao				
5. Sân chơi nhóm nhà ở	Bán kính 300m		m^2/người	-0,8
6. Sân luyện tập			m^2/người ha/công trình	0,5 0,3
7. Trung tâm Văn hóa - Thể	công trình	1	m^2/công trình	5.000
D. Thương mại				
8. Chợ	công trình	1	m^2/công trình	2.000

4.2. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Cấp nước sinh hoạt: ≥120lít/người/ngày.đêm.

- Cấp nước công cộng và dịch vụ: ≥2lít/m^2 sàn/ngày.đêm.

- Cấp nước vườn hoa, công viên: ≥3lít/m^2/ngày.đêm.

- Cấp nước rửa đường: tối thiểu 0,5lít/m^2/ngày.đêm.

- Cấp nước cứu hoả: cấp nước cho cứu hoả bằng hệ thống cấp nước sạch và tận dụng các ao, hồ để dự trữ nước chữa cháy. Bố trí họng lấy nước chữa cháy dọc theo các đường phố thuận tiện cho việc lấy nước với bán kính phục vụ của các điểm lấy nước là 75m, đường kính ống dẫn nước cứa hoả phải không nhỏ hơn 100mm.

- Thoát nước thải: ≥ 80% cấp nước sinh hoạt.

- Rác thải: 1,2 kg/người ngày.

- Cấp điện: điện sinh hoạt: Nhà ở liền kề 3kW/hộ, nhà ở biệt thự 5kW/hộ, công trình thương mại, dịch vụ 30W/m^2 sàn.

- Chiếu sáng đèn đường phố bằng đèn led tiết kiệm điện: đường chính 1,2÷1,6Cd/m^2, đường khác 0,4÷1,0Cd/m^2.

5. Các yêu cầu về nội dung nghiên cứu:

5.1. Điều tra khảo sát hiện trạng và thu thập tài liệu: Khảo sát, thu thập tài liệu, phân tích, đánh giá kỹ các điều kiện tự nhiên, môi trường, thực trạng đất xây dựng, dân cư, xã hội, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật; các dự án đang triển khai trong khu vực lân cận.

5.2. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

- Xác định cụ thể các khu chức năng trong khu vực quy hoạch, rà soát bổ sung quỹ đất nhà ở xã hội để bố trí cho phù hợp, đảm bảo các khu chức năng chính của đô thị và động lực phát triển chung tại khu vực.

- Xác định chỉ tiêu sử dụng đất về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình đối với từng ô đất; khoảng lùi công trình đối với các trục đường; vị trí, quy mô các công trình ngầm (*nếu có*).

5.3. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Xác định từng khu vực trọng tâm tạo lập bản sắc không gian, kiến trúc cho từng khu chức năng trong khu ở. Bám sát các nội dung của đồ án Điều chỉnh quy hoạch phân khu khu trung tâm y tế chất lượng cao của vùng đảm bảo tính thống nhất giữa các đồ án quy hoạch.

- Xác định mật độ xây dựng, tầng cao tối đa, tầng cao tối thiểu của công trình xây dựng thuộc các khu chức năng đảm bảo phù hợp với tổng thể không gian trong khu vực.

- Xác định vị trí, quy mô công trình thương mại dịch vụ, cụm các công trình nhà ở thấp tầng, các công trình hạ tầng xã hội, đầu mối hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phù hợp nhu cầu sử dụng trong và ngoài phạm vi quy hoạch.

- Đề xuất hình khối công trình *(hợp khối hoặc phân tán)*, tầng cao tối đa, tầng cao tối thiểu của công trình xây dựng thuộc các khu chức năng đảm bảo phù hợp với tổng thể không gian trong khu vực; hệ thống cây xanh cảnh quan, mặt nước trong khu đô thị, không gian mở kết hợp với công trình nghệ thuật...

5.4. Thiết kế đô thị:

Đề xuất các giải pháp thiết kế đô thị đáp ứng nhu cầu và các giải pháp quy hoạch của đồ án, đảm bảo các nội dung theo quy định:

- Xác định trục không gian cảnh quan, không gian mở, công trình điểm nhấn *(công trình kiến trúc, cây xanh, mặt nước...)*; tổ chức không gian và chiều cao, xác định cụ thể khoảng lùi đối với công trình kiến trúc trên từng đường phố, nút giao thông.

- Cụ thể hóa các công trình điểm nhấn, xác định hình khối, hình thức kiến trúc *(kiến trúc chủ đạo, chiều cao các tầng, hình thức cửa, ban công...)*, màu sắc, sắc, vật liệu của từng loại công trình *(công trình công cộng - dịch vụ, trường học, nhà văn hóa, nhà ở...)*, loại hàng rào bao quanh các lô đất xây dựng.

- Cụ thể về bố trí biển chỉ dẫn, cây xanh, sân vườn, mặt nước…

- Quy định cao độ vỉa hè, cao độ xây dựng công trình.

5.5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông: Xác định mạng lưới đường giao thông đường bộ, lộ giới các tuyến đường (*đường chính và đường phụ*) trong khu quy hoạch, vị trí, quy mô bãi đỗ xe và các điểm đấu nối giao thông với các đường khu đảm bảo êm thuận, thông suốt.

- San nền, thoát nước mưa: Bám sát địa hình tự nhiên, hạn chế tối đa việc đào đắp. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành đặc biệt các quy định về hành lang bảo vệ công trình thủy lợi. Tính toán thủy lực hệ thống thoát nước mặt đảm bảo khả năng thoát nước với các số liệu mưa thiết kế cập nhật trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Cấp nước: Xác định tiêu chuẩn, nhu cầu cấp nước *(sinh hoạt, chữa cháy, tới cây, rửa đường và các nhu cầu khác trong đô thị)*, nguồn nước, mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật khác,

- Cấp điện: Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp điện, vị trí các trạm điện phân phối, mạng lưới đường dây trung thế, hạ thế và hệ thống điện chiếu sáng phải được bố trí hợp lý, đảm bảo đủ nhu cầu chiếu sáng và đóng góp vào cảnh quan khu vực.

- Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc: Xác định nhu cầu sử dụng điện thoại, nguồn và tổng đài, vị trí các tủ cáp, mạng cáp thông tin.

- Bố trí hệ thống hào kỹ thuật để đi ngầm đường dây thông tin liên lạc, cáp điện,....; hệ thống công trình ngầm *(nếu có)*, đảm bảo khu đô thị hình thành đồng bộ, mỹ quan và thuận lợi khi vận hành sử dụng.

- Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

+ Xác định tổng lượng nước thải và rác thải, mạng lưới thoát nước, vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải đảm bảo các quy định về tiêu chuẩn diện tích và vị trí đối với khu dân cư, lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế và khả năng quản lý của địa phương.

+ Nghĩa trang *(nếu có)*: Xác định các khu vực di dời, đóng cửa hoặc bố trí tập trung mới theo quy hoạch chung thị xã và các quy hoạch phân khu có liên quan. Đối với các vị trí nhỏ lẻ rải rác trong khu vực, từng bước di dời về khu nghĩa địa tập trung theo Nghị quyết 18/NQ-HĐND của tỉnh. Có các giải pháp xử lý đảm bảo môi trường, cảnh quan đối với khu dân dụng trong khu vực.

- Đánh giá môi trường chiến lược: Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; các vấn đề xã hội, cảnh quan thiên nhiên. Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch. Đề ra các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường khu vực khi triển khai thực hiện quy hoạch.

5.6. Dự kiến: Sơ bộ về tổng mức đầu tư, đề xuất giải pháp về nguồn vốn và đề xuất danh mục các chương trình đầu tư thực hiện quy hoạch.

5.7. Xây dựng quy định quản lý theo quy hoạch:

- Quy định về kiểm soát phát triển không gian kiến trúc cảnh quan, phát triển bền vững, hài hòa và đồng bộ.

- Đề ra các quy định hướng dẫn cho việc xây dựng và quản lý các công trình, khu chức năng...

- Quy định về phát triển hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

6. Thành phần hồ sơ sản phẩm

Sản phẩm của đồ án được lập theo: Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính Phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 về việc quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị.

6.1. Phần bản vẽ:

STT	Tên bản vẽ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và ranh giới khu đất	1/2.000
2	Bản đồ hiện trạng cảnh quan, hạ tầng xã hội và đánh giá đất xây dựng	1/500
3	Bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và môi trường	1/500
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/500
5	Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan	1/500
6	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường: + Bản đồ quy hoạch giao thông + Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ hạ tầng kỹ thuật + Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt + Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng + Bản đồ quy hoạch cấp nước + Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và quản lý CTR + Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống + Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược	1/500
7	Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định	Tỷ lệ phù hợp

(Các bản vẽ thể hiện trên nền hiện trạng khảo sát lồng ghép với bản đồ địa chính theo hệ toạ độ VN2000)

6.2. Phần văn bản:

- Các văn bản pháp lý kèm theo *(Bản sao)*, bản tổng hợp giải trình ý kiến cộng đồng dân cư và các bên liên quan.

- Thuyết minh tổng hợp, thuyết minh tóm tắt (*kèm theo các bản vẽ A3 thu nhỏ*).

- Dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt, Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết.

- Số lượng: gồm 07 hồ sơ đen trắng và 01 bộ màu (*in Fit 1A0*), 1 đĩa CD lưu toàn bộ nội dung thuyết minh, bản vẽ và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết.

6.3. Yêu cầu về chất lượng hồ sơ quy hoạch:

- Hình thức, nội dung thực hiện theo các quy định hiện hành.

- Bản đồ nền phục vụ thiết kế quy hoạch xây dựng phải sử dụng hệ tọa độ quốc gia VN2000, đồng thời phải được cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị có chức năng kiểm tra, nghiệm thu và thẩm định theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

7. Chi phí lập đồ án điều chỉnh quy hoạch và các chi phí liên quan

Tổng giá trị (*lấy tròn*): **1.580.271.000,0 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm tám mươi triệu, hai trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*). Trong đó:

- Chi phí khảo sát xây dựng phục vụ lập quy hoạch	:	273.735.721,0 đồng
- Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	:	81.075.500,0 đồng
- Chi phí lập đồ án quy hoạch	:	990.578.000,0 đồng
- Các chi phí khác (thẩm định nhiệm vụ, thẩm định đồ án, quản lý nghiệp vụ, công bố, lấy ý kiến cộng đồng,..)	:	234.881.787,0 đồng

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Hà Nam.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân thị xã Duy Tiên.

- Thời gian thực hiện: Không quá 6 tháng kể từ khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt và tổ chức lựa chọn xong đơn vị tư vấn lập quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duy Tiên và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (10);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP(3), GTXD, TN, TH;
- Lưu VT, GTXD.

QV. - D\QĐ\2021\066

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Chức